3. Thông tin về cơ sở vật chất

Diện tích đất	Số lượng (m2)
Tổng diện tích khuôn viên đất	4000
Trong đó: Diện tích đất được cấp	4000
Diện tích đất đi thuê (mượn)	0
Diện tích đất sân chơi, bãi tập	1800

Phòng	Trên cấp 4		Cấp 4		Tạm		Mượn	
	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)
- Phòng học văn hoá	44	1760	0	0	4	160	0	0
Trong đó: + Số phòng học đủ DTích và BGhế phù hợp tổ chức học nhóm								
+ Số phòng học đủ diện tích cho việc bố trí các nhóm học tập								
+ Số phòng học có đủ bàn ghế phù hợp cho việc tổ chức học nhóm								
- Phòng học tin học	2	80						
- Phòng học ngoại ngữ								
- Phòng giáo dục thể chất (đa năng)								
- Hội trường	1	150						
- Phòng giáo dục nghệ thuật								
- Phòng giáo dục mỹ thuật								
- Phòng giáo dục âm nhạc								
- Phòng Thư viện								
- Phòng thiết bị giáo dục	1	25						
- Phòng truyền thống và hoạt động Đội	1	35						
- Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật								
- Phòng y tế học đường	1	15						
- Phòng hiệu trưởng	1	30						
- Phòng phó hiệu trưởng	2	30						
- Phòng giáo viên	1	40						
- Phòng họp giáo viên (hội đồng)								
- Văn phòng								
- Phòng thường trực - Bảo vệ	1	10						
- Nhà công vụ giáo viên								
- Phòng kho lưu trữ								
- Phòng khác								
- Nhà bếp	1	70						
- Phòng ăn (HS)	3	350						
- Phòng nghỉ (HS)								

Nhà vệ sinh	Dùng cho GV Nam		Dùng cho GV nữ		Dùng cho HS nam		Dùng cho HS nữ	
	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)
Đạt chuẩn vệ sinh (*)	2	10	3	30	5	100	5	20
Chưa đạt chuẩn vệ sinh								
Không có	0		0		0		0	

(*) Nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ, nhà tiêu chìm có ống thông hơi, nhà tiêu thấm dội nước, nhà tiêu tự hoại